

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – AN GIANG
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2026/HS-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thuận và ông Đoàn Thanh Nhận.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Huynh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Cao Thị Mộng T1, sinh năm 1994, tại An Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã V, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo C; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn L và bà Danh Thị L1; có chồng tên Phan Thành Q và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/4/2026 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2007; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã V, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số H, đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; nơi cư trú: ấp A, xã V, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng: Em Phan Ngọc Như Ý, anh Lê Đức T2, chị Lê Thị Xuân T3, anh Đoàn Quốc Đ, ông Phan Thành Q (S) cũng là người đại diện hợp pháp của em Phan Ngọc Như Ý; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 17/02/2026, Cao Thị Mộng T1 đến nhà Nguyễn Thị Ngọc H, ở cùng xóm, ấp A, xã V, tỉnh An Giang để đón 02 con đang chơi tại đây về nhà. Khi đến nơi, T1 ngồi trong phòng nói chuyện với H. Trong lúc nói chuyện, T1 nhìn thấy 01 dây chuyền vàng của H để gần chiếc ví bằng nhựa của con của T1 trên nệm giường ngủ. Lợi dụng lúc H đang trang điểm, mặt hướng ra cửa phòng, không chú ý đến tài sản, T1 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền để sử dụng. Tuyền lén dùng tay lấy sợi dây chuyền của H cất giấu vào bên trong chiếc ví nhựa của con mình, kéo khóa ví lại rồi cầm ví cùng 02 con rời khỏi nhà H. Về nhà, sợ bị phát hiện, T1 lấy sợi dây chuyền vừa chiếm đoạt cất giấu trong túi quần bên phải của T1 đang mặc và chờ 02 con đi chơi đu quay ngựa. Phát hiện bị mất dây chuyền vàng, H trình báo cơ quan Công an. Mời làm việc, T1 thừa nhận thực hiện hành vi trên và tự nguyện giao nộp lại dây chuyền vàng đã chiếm đoạt.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Thu giữ do Cao Thị Mộng T1 giao nộp 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 4,4410 gam, kết quả giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (Au): 64,79%, Đ1 (Cu): 23,55%, B (A): 10,91%, đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc H. 01 chiếc ví bằng nhựa, kích thước (12 x 8 x 3,7) cm, có dây đeo nhiều màu sắc, có khóa dây kéo màu xanh, đã nhập kho vật chứng của Cơ quan điều tra.

- Kết luận giám định số 1003/KL-KTHS ngày 13/3/2026 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 4,4410 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (Au): 64,79%, Đ1 (Cu): 23,55%, B (A): 10,91%.

- Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 02/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã V: 01 dây chuyền bằng kim loại chủ yếu là V (A1): 64,79%, Đ1 (Cu): 23,55%, B (A): 10,91%, khối lượng 4,4410 gam, trị giá 12.246.880 đồng.

Ngày 20/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố Cao Thị Mộng T1 để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 60/CT-VKSKV15 ngày 03 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang đã truy tố bị cáo Cao Thị Mộng T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như

Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, do chị H không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc ví bằng nhựa do không còn giá trị sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận, khoảng 18 giờ ngày 17/02/2026, bị cáo đến nhà của chị Nguyễn Thị Ngọc H để đón 02 con đang chơi tại đây về nhà. Khi đến nơi, bị cáo ngồi trong phòng nói chuyện với chị H. Trong lúc nói chuyện, bị cáo nhìn thấy 01 sợi dây chuyền vàng của chị H để gần chiếc ví bằng nhựa của con bị cáo trên nệm giường ngủ. Bị cáo lén lút lấy sợi dây chuyền của chị H cất giấu vào bên trong chiếc ví nhựa rồi chở 02 con đi chơi đu quay ngựa. Bị cáo cất giấu sợi dây chuyền trong túi quần bên phải của bị cáo. Sau đó, khi bị Công an mời làm việc, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và giao nộp vật chứng có liên quan.

Theo Kết luận giám định số 1003/KL-KTHS ngày 13/3/2026 của Phân

Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, khối lượng 4,4410 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (Au): 64,79%, Đ1 (Cu): 23,55%, B (A): 10,91%. Theo kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, 01 dây chuyền bằng kim loại chủ yếu là V (A1): 64,79%, Đ1 (Cu): 23,55%, B (A): 10,91%, khối lượng 4,4410 gam, trị giá 12.246.880 đồng.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của chị H trị giá 12.246.880 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên và bị cáo về việc cho bị cáo hưởng án treo, thấy rằng, mặc dù, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong thời gian qua, tình hình tội phạm về xâm phạm sở hữu, trong đó, có tội trộm cắp tài sản, trên địa bàn các xã, phường thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng; giá trị tài sản bị chiếm đoạt tương đối lớn; trước khi được Công an triệu tập làm việc, bị cáo có thái độ che giấu hành vi phạm tội, gây ra mâu thuẫn giữa ông Phan Thành Q (chồng bị cáo) với bị hại. Việc áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này tại địa phương. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo làm nội trợ, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu bồi thường thiệt hại cho nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng bị chiếm đoạt là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

01 chiếc ví bằng nhựa thuộc sở hữu của bị cáo, bị thu giữ là vật có giá trị chứng minh tội phạm, người phạm tội. Do chiếc ví này không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Thị Mộng T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Cao Thị Mộng T1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) túi bằng nhựa, có dây đeo nhiều màu sắc, kích thước (12 x 8 x 3,7) cm, có khóa dây kéo màu xanh, đã qua sử dụng (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A với P trại tạm giam A2 (Cơ sở 2) thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh A).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Cao Thị Mộng T1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị N là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 15 – An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Phân trại tạm giam An Phú
(Cơ sở 2) thuộc Trại tạm giam số 1
Công an tỉnh An Giang;
- CQĐT Công an tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 15 – An Giang;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình